



VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NHẬN TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH VIỆT NAM (VIAS)

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION

(Kèm theo quyết định số/ Attached with decision: / QĐ - VPCNCL ngày tháng 05 năm 2025
của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/ of BoA Director)

Tên tổ chức giám định : CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT, AN TOÀN VÀ TƯ VẤN
XÂY DỰNG – INCOSAF

Name of Inspection Body: INCOSAF - CONSTRUCTION CONSULTANT AND SAFETY TECHNIQUE
INSPECTION JOINT STOCK COMPANY

Mã số công nhận
Accreditation Code: VIAS 027

Chuẩn mực công nhận
Accreditation standard: ISO/IEC 17020:2012

Địa chỉ trụ sở chính : Số 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa,
Head office address: Thành phố Hà Nội, Việt Nam
No. 243A De La Thanh Street, Lang Thuong Ward, Dong Da District,
Hanoi City, Vietnam

Địa điểm công nhận : Tầng 18, tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Accredited locations: Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
18th Floor, ICON4 Tower, No. 243A De la Thanh Street, Lang Thuong Ward,
Dong Da District, Hanoi City, Vietnam

Điện thoại/ Tel: 02438527102
Email: vp@incosaf.com.vn Website: www.incosaf.com.vn

Loại tổ chức giám định: Loại A

Type of Inspection: Type A

Người đại diện : Lâm Văn Khánh

Authorized Person:

Hiệu lực công nhận /
Period of Validation: Kể từ ngày /05/2025 đến ngày 28/04/2030.



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION

PHẠM VI GIÁM ĐỊNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN
SCOPE OF ACCREDITED INSPECTIONS

Lĩnh vực giám định <i>Field of Inspection</i>	Nội dung giám định <i>Type and Range of Inspection</i>	Phương pháp, quy trình giám định <i>Inspection Methods/ Procedures</i>	Địa điểm và bộ phận liên quan <i>Location(s) and relating division(s)</i>
Thiết bị nâng: Cần trục, cầu trục, cồng trục, trục tải, pa lăng, tời điện, tời thủ công Lifting appliances: Cranes, overhead cranes, gantry cranes, loading shafts, hoists, electric winches, manual winches	Kiểm định kỹ thuật an toàn <i>Safety inspection</i>	QTKĐ 09:2016/ BLĐTBXH QTKĐ 10:2016/ BLĐTBXH QTKĐ 13:2016/ BLĐTBXH QTKĐ 14:2016/ BLĐTBXH QTKĐ 16:2016/ BLĐTBXH QTKĐ 01:2016/ BXD QTKĐ 01:2018/ BGTVT	Trung tâm Kiểm định thiết bị áp lực Và Trung tâm Kiểm định thiết bị nâng và thiết bị công nghệ <i>Pressure Equipment Inspection Center And Lifting Equipment and Technological Equipment Inspection Center</i>
	Giám định kiểm đếm số lượng, tình trạng chất lượng và tính đồng bộ <i>Quantity inspection, quality status and synchronization</i>	QT 01	
Thang máy các loại <i>Elevators</i>	Kiểm định kỹ thuật an toàn <i>Safety inspection</i>	QTKĐ 02:2021/ BLĐTBXH	
	Giám định kiểm đếm số lượng, tình trạng chất lượng và tính đồng bộ <i>Quantity inspection, quality status and synchronization</i>	QT 03	
Thang cuốn, băng tải chở người <i>Escalators, conveyor belts carrying people</i>	Kiểm định kỹ thuật an toàn <i>Safety inspection</i>	QTKĐ 25:2016/ BLĐTBXH	
	Giám định kiểm đếm số lượng, tình trạng chất lượng và tính đồng bộ <i>Quantity inspection, quality status and synchronization</i>	QT 02	
Sàn nâng người <i>Suspended Working Platforms</i>	Kiểm định kỹ thuật an toàn <i>Safety inspection</i>	QTKĐ 12:2016/ BLĐTBXH QTKĐ 03:2016/ BXD	
	Giám định kiểm đếm số lượng, tình trạng chất lượng và tính đồng bộ <i>Quantity inspection, quality status and synchronization</i>	QT 01	



**VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NHẬN TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH VIỆT NAM (VIAS)**

**PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION**

Lĩnh vực giám định <i>Field of Inspection</i>	Nội dung giám định <i>Type and Range of Inspection</i>	Phương pháp, quy trình giám định <i>Inspection Methods/ Procedures</i>	Địa điểm và bộ phận liên quan <i>Location(s) and relating division(s)</i>
Xe nâng hàng, xe nâng người <i>Forklift</i>	Kiểm định kỹ thuật an toàn <i>Safety inspection</i>	QTKĐ 17:2016/ BLĐTBXH QTKĐ 18:2016/ BLĐTBXH	Trung tâm Kiểm định thiết bị áp lực Và Trung tâm Kiểm định thiết bị nâng và thiết bị công nghệ <i>Pressure Equipment Inspection Center And Lifting Equipment and Technological Equipment Inspection Center</i>
	Giám định kiểm đếm số lượng, tình trạng chất lượng và tính đồng bộ <i>Quantity inspection, quality status and synchronization</i>	QT 01	
Vận thăng lồng chở người và hàng, vận thăng hàng <i>Cage Hoist, Goods Hoist</i>	Kiểm định kỹ thuật an toàn <i>Safety inspection</i>	QTKĐ 19:2016/ BLĐTBXH QTKĐ 20:2016/ BLĐTBXH QTKĐ 02:2016/ BXD	
	Giám định kiểm đếm số lượng, tình trạng chất lượng và tính đồng bộ <i>Quantity inspection, quality status and synchronization</i>	QT 01	
Hệ thống cáp treo chở người <i>Passenger telpher system</i>	Kiểm định kỹ thuật an toàn <i>Safety inspection</i>	QTKĐ 30:2016/ BLĐTBXH	
	Giám định kiểm đếm số lượng, tình trạng chất lượng và tính đồng bộ <i>Quantity inspection, quality status and synchronization</i>	QT 06	
Sàn biểu diễn di động <i>Mobile stages</i>	Kiểm định kỹ thuật an toàn <i>Safety inspection</i>	QTKĐ 26:2016/ BLĐTBXH	
	Giám định kiểm đếm số lượng, tình trạng chất lượng và tính đồng bộ <i>Quantity inspection, quality status and synchronization</i>	QT 01	
Thiết bị trò chơi: Tàu lượn cao tốc, đu quay, máng trượt <i>Gaming device: Gliders, giant wheels, chutes</i>	Kiểm định kỹ thuật an toàn <i>Safety inspection</i>	QTKĐ 27:2016/ BLĐTBXH QTKĐ 28:2016/ BLĐTBXH QTKĐ 29:2016/ BLĐTBXH	
	Giám định kiểm đếm số lượng, tình trạng chất lượng và tính đồng bộ <i>Quantity inspection, quality status and synchronization</i>	QT 04	



VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NHẬN TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH VIỆT NAM (VIAS)

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION

Lĩnh vực giám định <i>Field of Inspection</i>	Nội dung giám định <i>Type and Range of Inspection</i>	Phương pháp, quy trình giám định <i>Inspection Methods/ Procedures</i>	Địa điểm và bộ phận liên quan <i>Location(s) and relating division(s)</i>
Đường ống dẫn hơi, nước nóng Steam, Hot water pipe line	Kiểm định kỹ thuật an toàn <i>Safety inspection</i>	QTKĐ 04:2016/ BLĐTBXH QTKĐ 04:2017/BCT	Trung tâm Kiểm định thiết bị áp lực Và Trung tâm Kiểm định thiết bị nâng và thiết bị công nghệ <i>Pressure Equipment Inspection Center And Lifting Equipment and Technological Equipment Inspection Center</i>
	Giám định kiểm đếm số lượng, tình trạng chất lượng và tính đồng bộ <i>Quantity inspection, quality status and synchronization</i>	QT 12	
Nồi hơi, nồi gia nhiệt dầu Boiler	Kiểm định kỹ thuật an toàn <i>Safety inspection</i>	QTKĐ 01:2016/ BLĐTBXH QTKĐ 02:2016/ BLĐTBXH QTKĐ 01:2017/BCT	
	Giám định kiểm đếm số lượng, tình trạng chất lượng và tính đồng bộ <i>Quantity inspection, quality status and synchronization</i>	QT 09	
Bình áp lực, bồn bể (xitec) chứa khí hóa lỏng, chai chứa khí Pressure Vessel	Kiểm định kỹ thuật an toàn <i>Safety inspection</i>	QTKĐ 02:2017/ BCT QTKĐ 03:2017/ BCT QTKĐ 06:2016/ BLĐTBXH QTKĐ 07:2016/ BLĐTBXH QTKĐ TBAL:2018/ BGTVT (QCVN 67:2018/BGTVT)	
	Giám định kiểm đếm số lượng, tình trạng chất lượng và tính đồng bộ <i>Quantity inspection, quality status and synchronization</i>	QT 10	
Hệ thống lạnh Refrigeration System	Kiểm định kỹ thuật an toàn <i>Safety inspection</i>	QTKĐ 08:2016/ BLĐTBXH	
	Giám định kiểm đếm số lượng, tình trạng chất lượng và tính đồng bộ <i>Quantity inspection, quality status and synchronization</i>	QT 13	



**PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION**

Lĩnh vực giám định <i>Field of Inspection</i>	Nội dung giám định <i>Type and Range of Inspection</i>	Phương pháp, quy trình giám định <i>Inspection Methods/ Procedures</i>	Địa điểm và bộ phận liên quan <i>Location(s) and relating division(s)</i>
Hệ thống điều chế và nạp khí Gas filling system	Kiểm định kỹ thuật an toàn <i>Safety inspection</i>	QTKĐ 03:2016/ BLĐTBXH QTKĐ 06:2017/ BCT QTKĐ 07:2017/ BCT	Trung tâm Kiểm định thiết bị áp lực Và Trung tâm Kiểm định thiết bị nâng và thiết bị công nghệ
	Giám định kiểm đếm số lượng, tình trạng chất lượng và tính đồng bộ <i>Quantity inspection, quality status and synchronization</i>	QT 14	
Đường ống dẫn khí đốt bằng kim loại Gas pipe line made by metal	Kiểm định kỹ thuật an toàn <i>Safety inspection</i>	QTKĐ 05:2017/ BCT	Pressure Equipment Inspection Center And Lifting Equipment and Technological Equipment Inspection Center
	Giám định kiểm đếm số lượng, tình trạng chất lượng và tính đồng bộ <i>Quantity inspection, quality status and synchronization</i>	QT 16	

Ghi chú/ Note:

- QT.xx : Quy trình giám định do tổ chức giám định xây dựng / *IB's developed methods*
- QTKĐ: aa - yyyy/BXD: Quy trình kiểm định do Bộ Xây dựng ban hành / *Safety inspection procedures issued by Ministry of Construction*
- QTKĐ: aa – yyyy/BCT: Quy trình kiểm định do Công thương ban hành / *Safety inspection procedures issued by Ministry of Industry and Trade*
- QTKĐ: aa – yyyy/BLĐTBXH: Quy trình kiểm định do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành / *Safety inspection procedures issued by Ministry of Labor – Invalids and Social Affairs*
- Trường hợp Công ty Cổ phần Kiểm định kỹ thuật, an toàn và Tư vấn xây dựng INCOSAF cung cấp dịch vụ giám định thì Công ty phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này./ *It is mandatory for the INCOSAF - Contruction Consultant and Safety Technique Joint Stock Company that provides the inspection services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION

DANH MỤC PHƯƠNG PHÁP/ QUI TRÌNH GIÁM ĐỊNH
LIST OF INSPECTION METHODS/ PROCEDURES

Tên phương pháp/ qui trình giám định <i>Name of inspection methods/ procedures</i>	Mã số phương pháp/ qui trình giám định, lần và/hoặc năm ban hành <i>Code of inspection methods/ procedures, issued version and/or year</i>
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn Nồi hơi	QTKĐ 01:2016/ BLĐTBXH - ver.2016
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn Cần trục tháp	QTKĐ 01:2016/ BXD - ver.2016
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn Nồi hơi	QTKĐ 01:2017/BCT - ver.2017
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn Cần trục ô tô, cần trục bánh lốp	QTKĐ 01:2018/ BGTVT - ver.2018
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn Nồi gia nhiệt dầu	QTKĐ 02:2016/ BLĐTBXH - ver.2016
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn Vận thăng lồng chở người và hàng, vận thăng hàng	QTKĐ 02:2016/ BXD - ver.2016
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn Bình áp lực, bồn bể (xitec) chứa khí hóa lỏng, chai chứa khí	QTKĐ 02:2017/ BCT - ver.2017
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn Thang máy các loại	QTKĐ 02:2021/ BLĐTBXH - ver.2021
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn Hệ thống điều chế và nạp khí	QTKĐ 03:2016/ BLĐTBXH - ver.2016
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn Sàn nâng người Bộ Xây dựng	QTKĐ 03:2016/ BXD - ver.2016
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn bồn bể (xitec) chứa khí hóa lỏng	QTKĐ 03:2017/ BCT - ver.2017
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn Đường ống dẫn hơi, nước nóng	QTKĐ 04:2016/ BLĐTBXH - ver.2016
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn Đường ống dẫn hơi, nước nóng	QTKĐ 04:2017/BCT - ver.2017
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn Đường ống dẫn khí đốt bằng kim loại	QTKĐ 05:2017/ BCT - ver.2017
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn chai chứa khí	QTKĐ 06:2016/ BLĐTBXH - ver.2016
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn Hệ thống nạp khí LPG	QTKĐ 06:2017/ BCT - ver.2017
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn Bình áp lực	QTKĐ 07:2016/ BLĐTBXH - ver.2016
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn Hệ thống Cung cấp khí LPG	QTKĐ 07:2017/ BCT - ver.2017



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION

Tên phương pháp/ qui trình giám định <i>Name of inspection methods/ procedures</i>	Mã số phương pháp/ qui trình giám định, lần và/hoặc năm ban hành <i>Code of inspection methods/ procedures, issued version and/or year</i>
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn Hệ thống lạnh	QTKĐ 08:2016/ BLĐTBXH - ver.2016
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn Cầu trục, cổng trục, pa lăng điện	QTKĐ 09:2016/ BLĐTBXH - ver.2016
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn Cầu trục tự hành	QTKĐ 10:2016/ BLĐTBXH - ver.2016
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn Sàn nâng người Bộ LĐTBXH	QTKĐ 12:2016/ BLĐTBXH - ver.2016
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn pa lăng xích tay	QTKĐ 13:2016/ BLĐTBXH - ver.2016
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn tời điện	QTKĐ 14:2016/ BLĐTBXH - ver.2016
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn tời thủ công	QTKĐ 16:2016/ BLĐTBXH - ver.2016
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn Xe nâng hàng	QTKĐ 17:2016/ BLĐTBXH - ver.2016
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn Xe nâng người	QTKĐ 18:2016/ BLĐTBXH - ver.2016
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn Vận thăng chở người và hàng	QTKĐ 19:2016/ BLĐTBXH - ver.2016
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn Vận thăng hàng	QTKĐ 20:2016/ BLĐTBXH - ver.2016
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn Thang cuốn, băng tải chở người	QTKĐ 25:2016/ BLĐTBXH - ver.2016
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn Sàn biểu diễn di động	QTKĐ 26:2016/ BLĐTBXH - ver.2016
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn Tàu lượn cao tốc	QTKĐ 27:2016/ BLĐTBXH - ver.2016
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn máng trượt	QTKĐ 28:2016/ BLĐTBXH - ver.2016
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn đu quay	QTKĐ 29:2016/ BLĐTBXH - ver.2016
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn Hệ thống cáp treo chở người	QTKĐ 30:2016/ BLĐTBXH - ver.2016
Quy trình Kiểm định kỹ thuật an toàn Thiết bị áp lực trên phương tiện GTVT	QTKĐ TBAL:2018/ BGTVT(QCVN 67:2018/BGTVT) - ver.2018



VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NHẬN TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH VIỆT NAM (VIAS)

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION

Tên phương pháp/ qui trình giám định <i>Name of inspection methods/ procedures</i>	Mã số phương pháp/ qui trình giám định, lần và/hoặc năm ban hành <i>Code of inspection methods/ procedures, issued version and/or year</i>
Quy trình Kiểm tra chất lượng Cầu trục, cầu trục, cổng trục, trục tải, pa lăng, tời điện, tời thủ công, Sàn nâng người, Xe nâng hàng, xe nâng người, Vận thăng lồng chở người và hàng, vận thăng hàng, Sàn biểu diễn di động	QT 01 - ver.2025
Quy trình Kiểm tra chất lượng Thang cuốn, băng tải chở người	QT 02 - ver.2025
Quy trình Kiểm tra chất lượng Thang máy các loại	QT 03 - ver.2025
Quy trình Kiểm tra chất lượng Tàu lượn cao tốc, đu quay, máng trượt	QT 04 - ver.2025
Quy trình Kiểm tra chất lượng Hệ thống cáp treo chở người	QT 06 - ver.2025
Quy trình Kiểm tra chất lượng Nồi hơi, nồi gia nhiệt dầu	QT 09 - ver.2025
Quy trình Kiểm tra chất lượng Bình áp lực, bồn bể (xitec) chứa khí hóa lỏng, chai chứa khí	QT 10 - ver.2025
Quy trình Kiểm tra chất lượng Đường ống dẫn hơi, nước nóng	QT 12 - ver.2025
Quy trình Kiểm tra chất lượng Hệ thống lạnh	QT 13 - ver.2025
Quy trình Kiểm tra chất lượng Hệ thống điều chế và nạp khí	QT 14 - ver.2025
Quy trình Kiểm tra chất lượng Đường ống dẫn khí đốt bằng kim loại	QT 16 - ver.2025

PKM